

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **01/2023/HCST**

Ngày: 29/3/2023

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Tám
2. Bà Nguyễn Thị Thuởng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện VKSND TP. Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số 01/2022/ TLST- HC ngày 23 tháng 12 năm 2022 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính*” theo “*Quyết định đưa vụ án ra xét xử*” số 74/2023/QĐXX-DS ngày 10 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- ***Người khởi kiện:*** Công ty cổ phần kim loại màu B
Địa chỉ: Tòa nhà AT, ngõ, đường LĐT, phường MĐ, quận NTL, TP. HN
Người đại diện theo pháp luật: Ông Chu Việt Hùng - Tổng giám đốc
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Duy L
Địa chỉ: PX, UN quận ĐA, thành phố HN
(*Văn bản ủy quyền số 12/UQ/KLMBH ngày 06/12/2022*)
- ***Người bị kiện:*** Chi cục thuế khu vực thành phố TH-ĐS
Địa chỉ: Số 9..., PCT, phường ĐB, thành phố TH, tỉnh TH.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Hùng T - Chi cục trưởng
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn T - Phó chi cục trưởng
(*Văn bản ủy quyền số 382/QĐ-CCT ngày 13/02/2023*)
Tại phiên tòa có mặt ông Trần Duy L và ông Hoàng Văn T

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Kim loại màu B (sau đây gọi tắt là Công ty B) ông Trần Duy L, trình bày:

Trên cơ sở quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 04/8/2010 của Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá QSDĐ mặt bằng quy hoạch số 2349/UBND-QLĐT ngày 08/12/2009 thuộc xã Quảng Hưng, TP.Thanh Hóa, ngày 10/8/2010, Công ty Cổ phần Kim loại màu B đã ký “Hợp đồng mua bán tài sản” (Bán đấu giá QSDĐ) với Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa. Theo nội dung hợp đồng, Công ty B trúng đấu giá và mua được tài sản là: Quyền sử dụng đất với diện tích 20.224,82m² đất, gồm 190 lô đất tại vị trí thuộc khu vực được UBND thành phố Thanh Hóa phê duyệt mặt bằng quy hoạch số 2349/UBND-QLĐT ngày 08/12/2009 thuộc xã Quảng Hưng, TP.Thanh Hóa. Tổng số tiền giá trị QSDĐ công ty B phải nộp là 53.393.524.800đ.

Sau khi ký hợp đồng Công ty B đã nhiều lần nộp tiền vào tài khoản 3941 của Phòng tài chính kế hoạch- UBND thành phố Thanh Hóa và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền ngày 12/11/2018

Ngày 16 tháng 11 năm 2022, Công ty Cổ phần Kim loại màu B nhận được “Thông báo tiền thuế nợ” số: 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế khu vực thành phố TH-ĐS (sau đây gọi tắt là Chi cục thuế) do Ông Hoàng Văn T - Phó chi cục trưởng ký (ký thay chi cục trưởng). Theo nội dung thông báo trên, Chi cục thuế thông báo Công ty B còn nợ tiền chậm nộp tiền sử dụng đất đối với dự án trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH số 2349/UBND-QLĐT ngày 08/12/2008, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa, số tiền chậm nộp tính đến ngày 31/10/2022 là: 23.425.852.000đ.

Sau khi nhận được thông báo trên, ngày 07/5/2022 Công ty B đã có công văn số 08/CV-BH gửi Chi cục thuế đề nghị không tính tiền chậm nộp tiền sử dụng đất MBQH số 2349/UBND-QLĐT ngày 08/12/2008, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa đối với Công ty B, vì công ty B không phải nộp tiền chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định của Luật quản lý thuế.

Ngày 09/6/2022 Chi cục thuế có công văn số 7012/CCT-TTTBTK trả lời công văn số 08/CV-BH ngày 07/5/2022 của Công ty B. Theo đó Chi cục thuế xác định Công ty B nộp tiền sử dụng đất không đúng tiến độ theo hợp đồng số 28 đã ký kết do đó Công ty B phải nộp tiền chậm nộp tiền sử dụng đất.

Công ty B không đồng ý với trả lời trên của Chi cục Thuế. Và thấy rằng việc Chi cục thuế ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 xác định công ty B nợ số tiền chậm nộp 23.425.852.000đ (tính đến ngày 31/10/2022) là hoàn toàn không có cơ sở, trái với quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của Công ty B. Vì:

Thứ nhất: *Tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất đã quy định thời hạn nộp tiền sử dụng đất là: “Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo nộp tiền sử dụng đất và các khoản nộp khác, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp đủ số tiền sử dụng đất và các khoản nộp khác tại địa điểm nộp tiền theo đúng thông báo”.*

Thứ 2: *Tại khoản 1, khoản 4 Điều 106 của Luật quản lý thuế đã quy định về xử phạt đối với hành vi chậm nộp thuế như sau: “Người nộp thuế có hành vi chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và bị xử phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp”.*

Thứ 3: *Tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 198/2014/NGG-CP ngày 03/12/2004 về thu tiền sử dụng đất nêu rõ: “Trách nhiệm của cơ quan thuế, kho bạc và của người nộp tiền sử dụng đất; 1. Cơ quan thuế; a) Tính đúng, tính đủ, thông báo nộp tiền sử dụng đất và các khoản thu khác đúng thời hạn”; Tại Khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 198/2014/NGG-CP ngày 03/12/2004 quy định “Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ địa chính do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc cơ quan tài nguyên và môi trường gửi đến, cơ quan thuế phải thực hiện: a) Kiểm tra hồ sơ địa chính, xác định số tiền sử dụng đất và các khoản thu khác phải nộp...; b) Thông báo tiền sử dụng đất phải nộp và các khoản thu khác đến cơ quan gửi hồ sơ địa chính. Thông báo phải ghi rõ tên tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phải nộp, số tiền phải nộp của từng khoản, địa điểm nộp (Kho bạc Nhà nước), thời gian nộp và các nội dung khác do Bộ Tài chính quy định.*

Với các quy định pháp luật trên, Công ty B xác định:

- Công ty Cổ phần B phải có trách nhiệm nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất của dự án tại MBQH số 2349/UBND-QL-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2008 tại phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa vào Ngân sách Nhà Nước trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày Công ty Cổ phần B “nhận được thông báo nộp tiền sử dụng đất”. Theo quy định *Tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ.*

- Công ty Cổ phần Kim loại màu B phải nộp tiền chậm nộp với mức 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền chậm nộp khi Công ty B chậm nộp tiền “So với thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế” theo quy định *tại khoản 1, khoản 4 Điều 106 của Luật quản lý thuế*

Như vậy, căn cứ để xác định Công ty B có chậm nộp tiền sử dụng đất phải nộp hay không và số ngày chậm nộp (nếu có) là bao nhiêu ngày hoàn toàn phụ thuộc vào thời gian Công ty B nhận được thông báo nộp tiền sử dụng đất và thời hạn Công ty Cổ Phần B phải nộp tiền ghi trên thông báo nộp tiền sử dụng đất của cơ quan quản lý thuế.

Tuy nhiên, trong thực tế tính đến ngày 16/11/2022 (ngày Công ty B nhận được Thông báo tiền thuế nợ số: 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế) thì Công ty B không nhận được “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” của Chi cục Thuế.

Vì vậy việc Chi cục thuế xác định Công ty B phải nộp tiền chậm nộp số tiền 23.425.852.000đ (tính đến ngày 31/10/2022) là hoàn toàn trái quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của công ty. Do đó Công ty B khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa giải quyết: Hủy “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497 TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế

Tại đơn khởi kiện Công ty B còn yêu cầu Tòa án giải quyết xác định: Công ty Cổ phần kim loại màu B không nợ 23.425.852.000đ tiền chậm nộp tiền sử dụng đất của dự án trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH số 2349UBND - QLĐT ngày 08/12/2008, phường Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa. Tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai, Công ty B khẳng định: Yêu cầu xác định Công ty B không nợ số tiền 23.425.852.000đ là để làm rõ hơn cho yêu cầu hủy “Thông báo tiền thuế nợ”, khi thông báo tiền thuế nợ bị hủy thì nghĩa vụ đối với số tiền này cũng bị triệt tiêu. Vì vậy, đây không phải là yêu cầu thứ hai của công ty B; Cụ thể Công ty B chỉ yêu cầu hủy “Thông báo tiền thuế nợ”.

Về phía người bị kiện (Chi cục thuế khu vực TP-ĐS)

Tại bản tự khai ngày 13/02/2023, Chi cục thuế xác định: Căn cứ Quyết định số 3186/QĐ-UBND ngày 04/8/2010 của UBND TP. Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH 2349/UBND - QLĐT ngày 08/12/2009 của Chủ tịch UBND TP. Thanh Hóa, thuộc xã Quảng Hưng (nay là phường Quảng Hưng), TP. Thanh Hóa; Căn cứ “Hợp đồng mua bán tài sản” (bán đấu giá quyền sử dụng đất) số 28 ngày 8/10/2010 giữa Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa và Công ty cổ phần kim loại màu B. Chi cục thuế đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo dõi và đôn đốc việc nộp tiền sử dụng đất đối với Công ty B. Song mặc dù Chi cục thuế nhiều lần đôn đốc, Công ty B vẫn chậm nộp tiền sử dụng đất đối với mặt bằng quy hoạch số 2349/UBND-QLĐT ngày 08/12/2009, không thực hiện nộp tiền sử dụng đất đúng tiến độ theo “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 08/10/2010; Đến ngày 08/01/2018 Công ty B mới nộp đủ số tiền sử dụng đất phải nộp.

Việc Công ty B chậm nộp tiền sử dụng đất đối với mặt bằng quy hoạch số 2349/UBND-QLĐT ngày 08/12/2009 là đã vi phạm các quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp tiền vì:

- Tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất” quy định trách nhiệm của người trúng đấu giá là phải *“Thực hiện theo đúng các cam kết khi tham gia đấu giá và kết quả đấu giá quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”*.

- Tại khoản 2, Điều 12 Quyết định số 1613/2006 QĐ-UBND ngày 08/6/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc “Ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa” quy định: Người trúng đấu giá phải: *“Chấp hành nghiêm quy chế đấu giá: Nộp tiền sử dụng đất theo kết quả đấu giá đã trúng và được phê duyệt, thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng đã ký kết khi trúng đấu giá”*.

- Tại khoản 2, Điều 4 “Hợp đồng mua bán tài sản” (bán đấu giá quyền sử dụng đất) số 28 ngày 10/8/2010 ký kết giữa Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa với Công ty B nêu rõ trách nhiệm của người trúng đấu giá là: *“Nộp tiền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, điều 3 của hợp đồng này”*; Nội dung khoản 1 Điều 3 của Hợp đồng xác định: *“Trường hợp đến hạn nộp tiền sử dụng đất khách hàng vi phạm chậm*

nộp là vi phạm quy chế đấu giá và sẽ bị phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế”.

Tại khoản 1 Điều 106 Luật quản lý thuế số 78/2006 QH ngày 29 tháng 11 năm 2006 quy định: “Xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế” như sau:

1. Người nộp thuế có hành vi chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và bị xử phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp”

Tại khoản 32, Điều 1 Luật số 21/2012 /QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế, sửa đổi, bổ sung Điều 106 như sau:

“Người nộp thuế chậm nộp tiền thuế so với thời hạn quy định, thời hạn gia hạn nộp thuế, thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế, thời hạn trong quyết định xử lý của cơ quan quản lý thuế thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo mức lũy tiến 0,05%/ ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp không quá 90 ngày. 0,07%/ ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp vượt quá thời hạn 90 ngày”.

Với các quy định của pháp luật (như viện dẫn trên) thì việc Công ty B chậm nộp tiền sử dụng đất theo tiến độ nộp đã cam kết tại Hợp đồng số 28 đã ký kết là vi phạm các quy định của pháp luật về việc nộp tiền sử dụng đất. Do đó Công ty B phải nộp tiền chậm nộp tiền sử dụng đất theo quy định.

Vì vậy, ngày 09/11/2022 Chi cục Thuế đã ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT, xác định Công ty B phải nộp 23.425. 852.000đ tiền chậm nộp tiền sử dụng đất tính đến ngày 31/10/2022 là có căn cứ, đúng pháp luật. Do đó Chi cục thuế không đồng ý hủy “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022. Đồng thời Chi cục thuế đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của Công ty B

Tại phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại tại Tòa án,

Công ty B giữ nguyên nội dung trình bày trên. Công ty xác định: Việc Chi cục thuế ban hành văn bản “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 là không có căn cứ, không đúng quy định của Luật quản lý thuế và các quy định pháp luật có liên quan. Vì vậy đề nghị Tòa án hủy “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế. Đối với thỏa thuận về thời hạn, tiến độ nộp tiền sử dụng đất tại “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 10/8/2010 giữa Công ty B với Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa không phải là căn cứ để ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” và không thuộc phạm vi yêu cầu khởi kiện của Công ty B trong vụ án hành chính, do đó đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Chi cục thuế xác nhận: Sau khi công ty B trúng đấu giá QSDĐ tại mặt bằng quy hoạch số 2349 ngày 08/12/2009 thuộc xã Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa, Chi cục thuế đã không ban hành “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” cho Công ty B theo quy định. Song Chi cục thuế đã nhiều lần làm công văn đôn đốc Công ty B nộp tiền sử dụng đất trúng đấu giá theo đúng tiến độ tại hợp đồng số 28 ngày 10/8/2010 giữa Công ty B với

Trung tâm bán đấu giá tài sản; Chi cục Thuế cũng xác định rằng văn bản đơn đốc nợ không đồng nghĩa hoặc thay thế văn bản “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” vì hai văn bản này khác nhau về nội dung và hình thức. Tuy nhiên Chi cục thuế giữ nguyên quan điểm việc “Thông báo tiền thuế nợ” là có căn cứ và không đồng ý hủy văn bản này.

Tại phiên tòa, các bên giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên

Công ty B xác định: Nghĩa vụ, trách nhiệm của Chi cục thuế là phải ban hành “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” cho Công ty B theo đúng trình tự thủ tục hành chính Nhà nước về lĩnh vực quản lý thuế. Và “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” chính là căn cứ để xác định thời gian phải nộp và thời gian chậm nộp. Chi cục thuế không ban hành “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” là đã không thực hiện đúng, đủ chức năng quản lý Nhà nước và không có căn cứ để xác định thời gian chậm nộp, theo quy định của Luật quản lý thuế. Việc Chi cục thuế căn cứ vào “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 10/8/2010 giữa Công ty B với Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa để xác định công ty B chậm nộp và ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 là không đúng trình tự theo quy định của Luật quản lý thuế và các quy định pháp luật có liên quan. Đề nghị HĐXX giải quyết hủy “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế. Đối với “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 10/8/2010, nếu có tranh chấp các bên sẽ phải giải quyết bằng vụ án dân sự, không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính.

Sau khi trúng đấu giá Công ty B không làm tờ khai nộp thuế vì theo quy định Công ty B không phải làm tờ khai nộp thuế.

Đối với các công văn Chi cục thuế đơn đốc công ty B nộp tiền theo tiến độ, Công ty B không được nhận, không biết có văn bản này, Công ty chỉ được biết có văn bản này khi tiếp cận công khai chứng cứ tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Công ty B cũng xác định rằng: Các công văn đơn đốc nộp tiền không có ý nghĩa như “Thông báo nộp tiền sử dụng đất”, càng không thể thay thế cho “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” và cũng không phải là văn bản “thông báo tiền thuế nợ” vì: “Thông báo nộp tiền sử dụng đất”, “Thông báo tiền thuế nợ” phải được thực hiện đúng thời gian, đúng trình tự, thủ tục và tuân thủ nội dung, hình thức theo mẫu quy định của Bộ tài chính.

Chi cục thuế thừa nhận, theo quy định của Luật quản lý thuế thì trách nhiệm của Chi cục thuế là phải ban hành “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” cho Công ty B, tuy nhiên Chi cục thuế đã không ban hành văn bản này; Việc Chi cục thuế gửi các công văn đơn đốc nộp tiền cho công ty B đã được thực hiện từ rất lâu, tại phiên tòa Chi cục thuế không xuất trình được tài liệu chứng minh việc đã giao, gửi hợp lệ các công văn trên cho Công ty B; Chi cục thuế không yêu cầu ngừng hoặc hoãn phiên tòa để cung cấp chứng cứ này.

Đối với “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 10/8/2010, Chi cục thuế cũng khẳng định đây là một trong những tài liệu thuộc hồ sơ địa chính mà cơ quan Tài nguyên môi trường phải chuyển cho Chi cục thuế để làm cơ sở tính số tiền mà công ty B phải nộp từ đó “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” cho Công ty B

Tuy nhiên Chi cục thuế cho rằng, sau khi trúng đấu giá QSDĐ công ty B đã ký “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 với Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa; Tại hợp đồng, công ty B cam kết nộp tiền trúng đấu giá QSDĐ theo tiến độ (cụ thể là 7 kỳ, kỳ thứ 6 là tháng 02/2011, kỳ cuối nộp số tiền còn lại 3.393.524.800đ). Như vậy, Công ty B đã biết và hiểu rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình là phải nộp tiền đúng tiến độ quy định tại hợp đồng số 28 (nêu trên) và tuân thủ các quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp tiền của người trúng đấu giá QSDĐ. Song Công ty B đã không thực hiện, Công ty đã chậm nộp và nộp không đủ số tiền theo cam kết tại hợp đồng số 28 ngay từ kỳ nộp thứ nhất. (Tại Hợp đồng các bên cam kết “Năm ngày kể từ ngày có quyết định trúng đấu giá (ngày 04/8/2010)” công ty phải nộp số tiền 9.000.000.000đ. Song đến 13/8/2010 công ty chỉ nộp 4.500.000.000đ). Và các kỳ sau công ty liên tục vi phạm tiến độ nộp dù Chi cục thuế đã nhiều lần đôn đốc, và đến tận ngày 12/11/2018 Công ty mới nộp hết tiền trúng đấu giá QSDĐ phải nộp.

Vì vậy, Chi cục thuế đã căn cứ vào “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 10/8/2010 để xác định thời gian chậm nộp, tính số ngày chậm nộp và số tiền chậm nộp. Đồng thời căn cứ Quyết định số 216/2005/QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Căn cứ Điều 12 Quyết định số 1613/2006 QĐ-UBND ngày 08/6/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc “Ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa”; Căn cứ Luật quản lý thuế để ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022.

Như vậy, việc ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” của Chi cục thuế là có căn cứ và đúng luật. Do đó Chi cục thuế không đồng ý hủy “Thông báo tiền thuế nợ” và đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của Công ty B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định của Luật tổ tụng hành chính về thụ lý vụ án, lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, tiến hành đối thoại, tổng đạt các văn bản tố tụng, các trình tự, thủ tục về phiên tòa sơ thẩm. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Luật tổ tụng hành chính.

Đối với quyết định hành chính bị khiếu kiện:

- Về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính nêu trên của Chi cục thuế là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung khiếu kiện: Công ty Cổ phần Kim loại màu B khiếu kiện yêu cầu hủy “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục Thuế vì cho rằng việc ban hành văn bản này là không có cơ sở.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Chi cục Thuế xác định đã không ban hành “Thông báo nộp thuế” đối với công ty Bắc Hà, và cũng xác nhận Công ty Bắc Hà không làm tờ khai nộp thuế. Tuy nhiên, việc ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế là có cơ sở. Vì:

Mặc dù không ban hành “*Thông báo nộp thuế*” nhưng căn cứ vào “Hợp đồng mua bán tài sản” (Bán đấu giá QSDĐ) số 28 ngày 10/8/2010 đã ký giữa Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Hà (đơn vị trúng đấu giá) với Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa thì Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Hà có nghĩa vụ phải biết lộ trình đóng thuế. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Hà vẫn không thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo hợp “Hợp đồng mua bán tài sản”, đến ngày 08/01/2018 Công ty mới nộp đủ số tiền sử dụng đất phải nộp.

Việc Công ty B không nộp tiền sử dụng đất đúng theo tiến độ đóng thuế đối với số tiền công ty B phải nộp là 53.393.524.800đ nên phát sinh số tiền chậm nộp tính đến ngày 31/10/2022 là 23.425.852.000đ. Như vậy Công ty B đã vi phạm các quy định của pháp luật về nghĩa vụ nộp tiền vì: Trách nhiệm của công ty B (người trúng đấu giá) là phải “*Thực hiện theo đúng các cam kết khi tham gia đấu giá và kết quả đấu giá quyền sử dụng đất do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt*” (theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 216/2005 /QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất); Phải “*nộp tiền sử dụng đất theo kết quả đấu giá đã trúng và được phê duyệt, thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng đã ký kết khi trúng đấu giá*” (quy định tại khoản 2, Điều 12 Quyết định số 1613/2006 QĐ-UBND ngày 08/6/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc Ban hành quy chế đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa); Phải “*Nộp tiền sử dụng đất*”. Và “*Trường hợp đến hạn nộp tiền sử dụng đất khách hàng vi phạm chậm nộp là vi phạm quy chế đấu giá và sẽ bị phạt chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế*” theo quy định tại khoản 1, điều 3; khoản 2 Điều 4 “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 10 tháng 8 năm 2010 ký kết giữa Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa với Công ty B; Số tiền chậm nộp tính theo mức “*lũy tiến 0,05%/ ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp không quá 90 ngày. 0,07%/ ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp vượt quá thời hạn 90 ngày*” (Theo quy định tại khoản 32, Điều 1 Luật số 21/2012 /QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế)

Như vậy, việc ban hành “*Thông báo tiền thuế nợ*” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Quyết định số 216/2005 /QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Khoản 2, Điều 12 Quyết định số 1613/2006 QĐ-UBND ngày 08/6/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa; Khoản 1, điều 3; khoản 2 Điều 4 “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 10 tháng 8 năm 2010 ký kết giữa Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa với Công ty cổ phần kim loại màu B; Khoản 32, Điều 1 Luật số 21/2012 /QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế.

Do đó, yêu cầu của Công ty B về việc hủy “*Thông báo tiền thuế nợ*” số: 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế khu vực thành phố Thanh Hóa - Đông Sơn là không có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Vì vậy, VKSND thành phố Thanh Hóa đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193; khoản 1 Điều 348 và Điều 204, 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Điều 14 Quyết định số 216/2005 /QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Điều 1 Luật số 21/2012 /QH13 ngày 20/11/2012 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty B. Về án phí: Công ty Cổ phần kim loại màu Bắc Hà phải chịu án phí hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty Bắc Hà khởi kiện yêu cầu hủy “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế khu vực thành phố Thanh Hóa - Đông Sơn. “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT

ngày 09/11/2022 là quyết định hành chính (theo Điều 3- Luật tố tụng hành chính và Điều 1 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/7/2011 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao “Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Tố tụng hành chính”). Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31 Luật tố tụng Hành chính.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16 tháng 11 năm 2022, Công ty Cổ phần Kim loại màu B nhận được “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế; Ngày 08/12/2022 Công ty B nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa là đảm bảo thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung yêu cầu của công ty B và tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện: Công ty B khởi kiện yêu cầu hủy “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế. Hội đồng xét xử xét:

[2.1] *Về hình thức của quyết định hành chính bị khởi kiện:* Hình thức “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế phù hợp mẫu số 07/TTN (Ban hành kèm theo Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[2.2] *Về thẩm quyền ban hành văn bản:* Phó chi cục trưởng “ký thay” chi cục trưởng Chi cục thuế khu vực TP-ĐS, ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 109 - Luật quản lý thuế

[2.3] *Về trình tự, thủ tục và căn cứ để ban hành quyết định hành chính* “Thông báo tiền thuế nợ”:

Ngày 04/8/2010 Chủ tịch UBND thành phố Thanh Hóa ban hành Quyết định số 3186/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá QSDĐ mặt bằng quy hoạch số 2349/UBND-QLĐT ngày 08/12/2009 thuộc xã Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa; Trên cơ sở đó, ngày 10/8/2010, Công ty B (đơn vị trúng đấu giá) đã ký “Hợp đồng mua bán tài sản” (Bán đấu giá QSDĐ) số 28 với Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa.

Theo nội dung hợp đồng, Công ty B trúng đấu giá và mua được tài sản là: Quyền sử dụng 20.224,82m² đất thuộc mặt bằng quy hoạch số 2349/UBND-QLĐT ngày 08/12/2009 thuộc xã Quảng Hưng, TP. Thanh Hóa. Tổng số tiền giá trị QSDĐ công ty B phải nộp là 53.393.524.800đ.

Sau khi Công ty B trúng đấu giá, trách nhiệm của Văn phòng đăng ký QSDĐ hoặc Cơ quan TNMT phải gửi hồ sơ địa chính đến Chi cục thuế. Hồ sơ địa chính do cơ quan TNMT gửi đến *“là căn cứ để cơ quan thuế xác định số tiền sử dụng đất và các khoản thu khác mà tổ chức, hộ gia đình phải nộp”* (khoản 1 Điều 14 Nghị định 198/2014/NĐ-CP). Và *“trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ địa chính do Văn phòng ĐKQSDĐ (hoặc cơ quan TNMT) gửi đến, cơ quan thuế phải thực hiện: Kiểm tra hồ sơ địa chính, xác định số tiền sử dụng đất và các khoản thu khác phải nộp”* và *“thông báo tiền sử dụng đất phải nộp và các khoản thu khác đến cơ quan gửi hồ sơ địa chính”* (Cơ quan TNMT hoặc Văn phòng ĐKĐĐ thành phố Thanh Hóa) để cơ quan này gửi cho Công ty B. Thông báo của Chi cục thuế *“phải ghi rõ tên tổ chức, cá nhân phải nộp tiền, số tiền phải nộp của từng khoản, địa điểm nộp, thời gian nộp”* (quy định tại khoản 2 Điều 14 Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế về thu tiền sử dụng đất. Và mục I phần D Thông tư 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ tài chính *“Hướng dẫn thực hiện nghị định 198”*)

Sau khi nhận được *“Thông báo nộp tiền sử dụng đất”* của Chi cục thuế Công ty B *“căn cứ vào xác định của cơ quan thuế”* (tại thông báo) để *“trực tiếp nộp tiền mặt hoặc chuyển khoản tại địa điểm nộp tiền theo thông báo trong thời hạn tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo”*. Và Công ty B *“phải nộp đủ số tiền sử dụng đất và các khoản nộp khác tại địa điểm nộp tiền theo đúng thông báo”*. Theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và mục II phần D Thông tư 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ tài chính *“Hướng dẫn thực hiện nghị định 198”*

Tại khoản 1 Điều 16 của Nghị định số 198/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2004 về thu tiền sử dụng đất, quy định trách nhiệm của cơ quan thuế là: *“Tính đúng, tính đủ, thông báo nộp tiền sử dụng đất và các khoản thu khác đúng thời hạn”*; Trách nhiệm của người sử dụng đất là: Quá thời hạn nộp tiền sử dụng đất *“theo thông báo của cơ quan thuế mà không nộp đủ tiền sử dụng đất thì phải chịu phạt chậm nộp”* (khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 198/2014/NĐ-CP ngày 03/12/2004).

Tại khoản 1, khoản 4 Điều 106 của Luật quản lý thuế quy định: Người nộp thuế có hành vi chậm nộp tiền thuế *“so với thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế”* thì phải nộp đủ tiền thuế và bị xử phạt 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp. Và *“Sau 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế, người nộp thuế chưa nộp tiền thuế và tiền phạt chậm nộp thì cơ quan quản lý thuế thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp”*

Tại khoản 32 Điều 1 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế (Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012) quy định: Người nộp thuế *“có hành vi*

chậm nộp tiền thuế so với thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế” thì phải nộp đủ tiền thuế và tiền chậm nộp theo mức lũy tiến

Tại khoản 1 Điều 34 Thông tư 156/2013 ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật QLT và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế quy định: Các trường hợp phải nộp tiền chậm nộp tiền thuế gồm: Người nộp thuế chậm nộp thuế so với thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan thuế

Với các quy định của pháp luật (nêu trên) thấy rằng: Nghĩa vụ trách nhiệm của Chi cục thuế là: Phải “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” cho Công ty B; “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” phải có đầy đủ nội dung như quy định tại Thông tư 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ tài chính và theo mẫu của Bộ tài chính; Nghĩa vụ của Công ty B là: Phải nộp đủ tiền trúng đấu giá quyền sử dụng đất của dự án tại MBQH số 2349/UBND-QL-ĐT ngày 08 tháng 12 năm 2008 tại phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa vào Ngân sách Nhà Nước trong thời hạn không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày Công ty B “*nhận được thông báo nộp tiền sử dụng đất*” của Chi cục thuế; Trường hợp Công ty B chậm nộp tiền sử dụng đất “*So với thời hạn thông báo của cơ quan quản lý thuế*” thì “*phải nộp tiền chậm nộp*”.

Để xác định Công ty B có vi phạm chậm nộp tiền sử dụng đất phải nộp hay không, thời điểm chậm nộp, thời gian chậm nộp là bao nhiêu ngày, số tiền chậm nộp là bao nhiêu phải được “*So với thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế*”. Và công ty B chỉ phải chịu phạt chậm nộp khi quá thời hạn nộp tiền sử dụng đất “*theo thông báo của cơ quan thuế*” mà không nộp đủ tiền sử dụng đất.

Như vậy thấy rằng, “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” của Chi cục thuế đối với Công ty B là căn cứ không thể thiếu để xác định Công ty B có hay không có hành vi chậm nộp tiền sử dụng đất; Là căn cứ để xác định thời điểm vi phạm (chậm nộp), xác định thời gian và số tiền chậm nộp (trong trường hợp có chậm nộp), xác định luật áp dụng (là “Luật quản lý thuế” hay “Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế”) để áp dụng mức phạt là “*0,05% mỗi ngày*” Hoặc “*mức lũy tiến 0,05% /ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp không quá 90 ngày; 0,07%/ngày tính trên số tiền thuế chậm nộp đối với số ngày chậm nộp vượt quá thời hạn 90 ngày*”); Là căn cứ ban hành các văn bản xử lý hành vi chậm nộp.

Tuy nhiên, sau khi Công ty B trúng đấu giá QSDĐ đến nay, Chi cục thuế đã không ban hành “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” đối với công ty B. Song ngày 09/11/2022 Chi cục thuế” đã ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT xác định công ty B còn nợ số tiền chậm nộp tính đến ngày 31/10/2022 là 23.425.852.000đ. Như vậy việc ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” của Chi cục thuế là không đúng trình tự và thiếu căn cứ theo quy định của Luật quản lý thuế; Nghị định số 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế; Và Thông tư 117/2004/TT-BTC ngày 07/12/2004 của Bộ tài chính “Hướng dẫn thực hiện nghị định 198”.

[3] Đối với quan điểm của Chi cục thuế và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Thanh Hóa cho rằng:

Mặc dù không ban hành “Thông báo nộp thuế” song Chi cục thuế đã nhiều lần đôn đốc Công ty B nộp tiền sử dụng đất đúng tiến độ; Công ty B cũng đã ký “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 8/10/2010 với Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa, trong hợp đồng này công ty B đã cam kết nộp tiền theo tiến độ là 07 kỳ với thời gian và số tiền cụ thể. Như vậy Công ty B biết và hiểu nghĩa vụ của công ty là phải nộp tiền đúng tiến độ. Song công ty B đã chậm nộp tiền theo tiến độ cam kết tại hợp đồng số 28 ngày 8/10/2010 ngay từ kỳ đầu tiên, do đó Công ty B phải nộp tiền chậm nộp.

Vì vậy, Chi cục thuế đã căn cứ vào “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 8/10/2010 ký giữa Công ty B với Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa và khoản 2 Điều 14 Quyết định số 216/2005 /QĐ-TTg ngày 31/8/2005 của Thủ tướng Chính phủ; Khoản 2, Điều 12 Quyết định số 1613/2006 QĐ-UBND ngày 08/6/2006 của UBND tỉnh Thanh Hóa để tính tiền chậm nộp theo mức % quy định tại Luật quản lý thuế và ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022. Như vậy việc ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” là có căn cứ pháp luật. Do đó Chi cục thuế đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu hủy “Thông báo tiền thuế nợ”.

HĐXX xét, các quy định pháp luật mà Chi cục thuế và đại diện VKS viện dẫn để xác định: Công ty B có nghĩa vụ phải nộp tiền sử dụng đất theo kết quả trúng đấu giá, là đúng.

Tuy nhiên, Chi cục thuế căn cứ vào “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 8/10/2010 ký giữa Công ty B với Trung tâm bán đấu giá tài sản Thanh Hóa để ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 là không đúng trình tự ban hành và không có căn cứ theo quy định của Luật quản lý thuế. Bởi:

Quá trình thực hiện chức năng quản lý thuế Chi cục thuế phải tuân thủ quy định của Luật quản lý thuế; Việc ban hành các văn bản quản lý trong quá trình quản lý thuế, phải đúng thẩm quyền, thời gian, trình tự ... của Luật quản lý thuế và các văn bản pháp luật hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế.

Như vậy, nghĩa vụ của Chi cục thuế là phải ban hành “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” cho công ty B sau khi công ty B được phê duyệt kết quả trúng đấu giá của cơ quan có thẩm quyền; Việc Công ty B có chậm nộp tiền sử dụng đất (nộp thuế) hay không phải “So với thời hạn ghi trong thông báo của cơ quan quản lý thuế” (theo khoản 1 Điều 106 Luật quản lý thuế); Sau 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế mà Công ty B chưa nộp tiền thì Chi cục thuế “thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp” (theo khoản 4 Điều 106 Luật quản lý thuế); Như vậy “Thông báo nộp tiền sử dụng đất” của Chi cục thuế là căn cứ không thể thiếu để xác định thời điểm chậm nộp, thời gian chậm nộp, số tiền chậm nộp và để ban hành “Thông báo tiền thuế nợ”.

“Thông báo tiền thuế nợ” là quyết định hành chính của cơ quan quản lý thuế vì vậy phải được ban hành theo đúng trình tự thủ tục hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quản lý thuế. Việc Chi cục thuế căn cứ “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày

10/8/2010 để ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” là không đúng quy định của Luật quản lý thuế. Bởi Chi cục thuế cũng xác định rằng “Hợp đồng mua bán tài sản” chỉ là một trong những tài liệu thuộc hồ sơ địa chính mà cơ quan TNMT phải gửi cho Chi cục thuế. Căn cứ trên hồ sơ địa chính cơ quan TNMT chuyển tới Chi cục thuế “*Xác định số tiền sử dụng đất và các khoản thu khác*” mà công ty B phải nộp, từ đó “*Thông báo nộp tiền sử dụng đất*” cho Công ty B, công ty B căn cứ thông báo này thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất (theo quy định tại Điều 14 - Nghị định 198/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ).

Mặt khác, tại phiên tòa Chi cục thuế khẳng định Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất theo cam kết tại hợp đồng số 28 từ kỳ nộp tiền đầu tiên (năm 2010) song đến ngày 09/11/2022 Chi cục thuế mới ban hành “Thông báo tiền thuế nợ”. Như vậy, trong trường hợp căn cứ “Hợp đồng mua bán tài sản” số 28 ngày 10/8/2010 để ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” Chi cục thuế cũng đã thực hiện không đúng quy định về thời gian “thông báo số tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp” theo quy định tại khoản 4 Điều 106 Luật quản lý thuế; và khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế (Các điều luật này quy định “sau 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp thuế người nộp thuế chưa nộp tiền thuế thì cơ quan quản lý thuế thông báo cho người nộp thuế biết số tiền thuế nợ và tiền phạt chậm nộp”).

Từ nhận định nêu trên đủ cơ sở để xác định việc ban hành “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế, nội dung thông báo Công ty B còn nợ 23.425.852.000đ tiền chậm nộp tiền sử dụng đất đối với dự án trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại MBQH số 2349/UBND-QLĐT ngày 08/12/2008, phường Quảng Hưng, thành phố Thanh Hóa là không đúng trình tự thủ tục ban hành, không có căn cứ, không tuân thủ quy định của Luật quản lý thuế; Nghị định 198/2014/NGG-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất và các Thông Tư hướng dẫn thi hành.

Như vậy, Công ty B khởi kiện yêu cầu hủy “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế TPTH-ĐS là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Chi cục thuế yêu cầu Tòa án bác đơn khởi kiện của công ty B là không có căn cứ pháp luật, vì vậy HĐXX không chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của Công ty B được chấp nhận nên Chi cục thuế phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 Luật tổ tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 30; khoản 1 Điều 31; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206; Điều 348 của Luật tổ tụng Hành chính.

Căn cứ khoản 1, khoản 4 Điều 106; Điều 109 của Luật quản lý thuế; khoản 32 Điều 1 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Thông tư 156/2013 ngày 06/11/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật QLT

Căn cứ Điều 14; Điều 15; khoản 1, khoản 3 Điều 16 của Nghị định số 198/2014/NGG-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất

Căn cứ vào Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần kim loại màu B.

Hủy toàn bộ “Thông báo tiền thuế nợ” số 12497/TB-CCT ngày 09/11/2022 của Chi cục thuế khu vực TPTH-ĐS.

Về án phí: Chi cục thuế khu vực TPTH-ĐS phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hành chính sơ thẩm; Trả lại cho Công ty cổ phần kim loại màu B 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002657 ngày 21/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa;

Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần kim loại màu B, Chi cục thuế TPTH-ĐS được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga

